TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **930**/2024/HS-PT
Ngày: 25/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;

Các Thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, điểm cầu thành phần là Tòa án nhân dân tỉnh B, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 986/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Lương Văn T phạm tội "Giết người". Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2024/HSST ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: **Lương Văn T,** sinh năm 1993; Nơi thường trú: Thôn L, xã P, huyện Đ, tỉnh T1. Nơi tạm trú: TDP Q, phường Q1, thị xã V, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông: Lương Văn T2, sinh năm 1961. Con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1961. Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư. Vợ: Nguyễn Thị T3, sinh năm 1999. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam ngày 22/01/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị L1 - Văn phòng Luật sư D - Đoàn luật sư tỉnh B; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không T tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Văn T, sinh năm 1993, trú tại thôn L, xã P, huyện Đ, tỉnh T1, hiện tạm trú tại thôn Q, xã Q1, huyện V, tỉnh B và anh Nguyễn Dương Q2, sinh năm 1999, trú tại thôn P1, xã K, huyện B1, tỉnh B2 cùng làm công nhân tại Bộ phận an toàn thông tin của Công ty TNHH Công nghệ L2 Việt Nam ở Khu Công nghiệp Q1, huyện V, tỉnh B (nay là phường Q1, thị xã V, tỉnh B).

Sáng ngày 21/01/2024, Bộ phận an toàn thông tin của Công ty tổ chức tổng kết cuối năm, ăn cơm uống rượu tại Nhà hàng Q3 ở thôn N1, xã Q1, huyện V, tỉnh B. Đến khoảng hơn 12 giờ cùng ngày thì mọi người ăn uống xong, rủ nhau đi hát Karaoke. Trong đó T, anh Q2, chị Vũ Thị D1 (là vợ anh Q2) cùng chị Đàm Thị T4; chị Dương Thị T5; chị Quàng Thị M; chị Lê Thị L3; anh Nguyễn Văn K1; anh Nông Chung Đ1; anh Phạm Ngọc H và một số người khác đến hát tại Phòng 401, tầng 4 quán Karaoke P2 thuộc thôn N1, xã Q1. Do đã uống nhiều rượu nên T nằm ngủ ở ghế Sopha. Một lúc sau có người nhờ T xuống dưới tầng 1 để lấy bánh gato (do ngày hôm đó là sinh nhật chị T4), nên T đi xuống quầy lễ tân dưới tầng 1 nằm ở ghế chờ người mang bánh gato đến. Lúc này trong phòng hát, vợ chồng anh Q2 và chị D1 xảy ra mâu thuẫn, anh Q2 tát vào mặt và túm tóc chị D1. Chị D1 chạy vào nhà vệ sinh để trốn, anh Q2 đuổi theo đánh nhưng mọi người trong phòng hát vào can ngăn, sau đó chị D1 bỏ đi ra ngoài.

Khi T đang nằm ở ghế tại tầng 1 thì được nhân viên của quán Karaoke thông báo có đánh nhau ở trên Phòng 401. Nghe thấy vậy, T đi lên hỏi ai đánh nhau, nguyên nhân tại sao đánh nhau thì mọi người nói anh Q2 đánh chị D1 nên mọi người không hát nữa chuẩn bị đi về. T hỏi anh Q2 thì anh Q2 không trả lời và đi xuống dưới tầng 1, T túm anh Q2 lại để hỏi nhưng anh Q2 gạt tay đẩy ra. Khi xuống đến sảnh tầng 1 thì T và anh Q2 xảy ra to tiếng, thách thức đánh nhau. T và anh Q2 lao vào vật lộn nhau trước cửa quán thì được mọi người can ngăn kéo ra. Anh Q2 vùng dậy chạy sang bên kia đường cởi áo và thách thức đánh nhau với T. T đi vào trong quán hát mặc áo khoác rồi đi ra chỗ xe mô tô của T dựng trước cửa quán, mở cốp xe lấy 01 con dao nhọn (loại dao gấp) cho vào túi áo khoác bên trái rồi đi ra chỗ anh Q2. Lúc đó chị T4, chị T5, anh Đ1, anh H cùng một số người khác can ngăn nhưng do anh Q2 và T đã uống nhiều rượu nên tiếp tục to tiếng thách thức nhau. Trong lúc cãi nhau thì T bật lưỡi dao ra và giấu con dao ở trong ống tay áo bên trái. Khi T đang đứng ở trước cửa quán thì anh Q2 cầm gạch lao

vào đánh T nhưng T tránh được, đồng thời T cúi xuống cầm dao ở tay trái, đâm 01 nhát vào bụng anh Q2. T bị trượt chân ngã xuống đường, anh Q2 tiếp tục lao vào thì T vùng dậy cầm dao ở tay trái tiếp tục đâm 01 nhát vào ngực anh Q2. Lúc này anh H, chị T4, anh Đ1 và chị T5 cùng mọi người vào can ngăn kéo T và anh Q2 ra, con dao T cầm trên tay bị rơi xuống đất. Thấy vết thương của anh Q2 chảy nhiều máu nên anh Đ1 và anh K1 chở xe mô tô đưa anh Q2 đến Bệnh viện Q4 cấp cứu. Sau đó anh Q2 được chuyển đến Bệnh viện Q5 – H1, nhưng do vết thương quá nặng nên anh Q2 đã chết hồi 20 giờ 30 phút cùng ngày.

Hồi 20 giờ 00 phút cùng ngày, Lương Văn T đã đến Công an huyện V, tỉnh B đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Hiện trường nơi xảy ra vụ án được xác định tại đoạn đường trước cửa quán Karaoke P2, thuộc thôn N1, xã Q1, huyện V, tỉnh B.

Xem xét đoạn đường nơi xảy ra vụ án thấy: Tại vị trí trên hành lang trước cửa nhà trọ H2 phát hiện dấu vết màu nâu đỏ, nghi máu dạng nhỏ giọt trên diện (0,6x4,2)m; trên hành lang trước cửa quán Karaoke P2 có kê 01 bộ bàn ghế gồm: 01 bàn tròn và 02 ghế tựa; tại vị trí chân ghế đá sát tủ điện thấy phía sau giáp lề đường có dấu vết màu nâu đỏ nghi máu bám dính trên chân ghế dạng nhỏ giọt trên diện (25x10)cm. Kiểm tra xung quanh thấy tại vị trí tường phía Đông bên ngoài cửa nhà trọ H2 phát hiện 01 camera an ninh màu trắng mặt hướng ra cửa nhà trọ H2 và cửa quán Karaoke P2.

Khám nghiệm tử thi:

* *Khám ngoài:* Vùng ngực trái cách hõm nách trái 06 cm, cách đường giữa 7,5 cm có vết rách da được khâu bằng 06 mũi chỉ dài 9,5 cm, kiểm tra thấy tràn khí dưới da. Vùng ngực, bụng trên đường chính giữa có vết rách da nằm dọc được khâu bằng 14 mũi chỉ, dài 26,8 cm, kiểm tra thấy tràn khí dưới da. Vùng ngực trái trên đường nách giữa cách núm vú trái 09 cm, cách hõm nách trái 12 cm có vết rách da, bờ mép sắc gọn kích thước (2,5 x 0,8) cm, xung quanh vết rách có nhiều vết rách da dạng chấm nằm song song nhau trên diện (04 x 1,5)cm. Mặt trước gối trái có diện sây sát da nông kích thước (8,2x08)cm. Mặt trong ngón 1 bàn chân phải có tổn thương sây sát, rách da mặt lớp thượng bì, bờ mép nham nhở bám chất màu đen kích thước (3,5 x 0,4)cm.

* *Mổ tử thi:*

Cắt chỉ kiểm tra vết rách da vùng ngực, bụng thấy bờ mép sắc gọn, tổ chức dưới da và cơ đã được khâu ở nhiều vị trí vùng bụng trái sát rốn có vết rách da, bờ mép sắc gọn, khép miệng dài 03cm.

Vùng bụng trái phía trên rốn 5,2cm có vết rách da kích thước (1,2 x 0,3)cm sâu thấu vào trong. Kiểm tra vết thương vùng ngực trái thấy thấu qua khoang liên sườn 1, 2 làm thủng mặt trước thùy trên phổi trái sâu đến rốn phổi,

làm đứt động, tĩnh mạch rốn phổi trái. Kiểm tra vết thương vùng bụng sát rốn thấy thấu qua cơ thành bụng gây tụ máu mạc nối và mạc treo ruột non làm thủng tĩnh mạch chủ bụng.

Kết quả giám định:

Bản kết luận giám định số 390/KLGĐTT-KTHS, ngày 21/02/2024, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Trên cơ thể Nguyễn Dương Q2 có các tổn thương sây sát, rách da tập trung ở các vùng: Ngực, bụng và hai chân. Trong đó các vết thương rách da bờ mép sắc gọn, sâu thấu trong.

- Vết thương vùng ngực trái thấu qua khoang liên sườn 1, 2 làm thủng mặt trước thùy trên phổi trái, sâu đến rốn phổi, làm đứt động, tĩnh mạch phổi trái.

- Vết thương vùng bụng sát rốn thấu qua cơ thành bụng, gây tụ máu mạc nối và mạc treo ruột non, làm thủng tĩnh mạch chủ bụng.

- Dạ dày màu trắng đục, bên trong chứa thức ăn đã nhuyễn.

2. Kết luận:

- Nguyên nhân chết của Nguyễn Dương Q2: Sốc mất máu cấp do vết thương vùng ngực thấu phổi, đứt mạch máu phổi và vết thương bụng làm thủng tĩnh mạch chủ bụng.

- Cơ chế hình thành dấu vết, thương tích:

+ Vết rách da vùng ngực trái và vết thương vùng bụng trái sát rốn được hình thành do vật nhọn có lưỡi sắc, lực tác động mạnh tạo nên.

+ Các vết rách da khác hình thành do quá trình xử trí và cấp cứu tạo nên.

+ Tổn thương sây sát da ở hai chân do tiếp xúc với vật tày, bề mặt không nhẵn tạo nên.

Bản kết luận giám định số 334/KL-KTHS ngày 05/02/2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận:

- Mẫu máu của Nguyễn Dương Q2 gửi giám định thuộc nhóm máu O.

- Trên các mẫu ký hiệu "Mẫu máu thu tại hiện trường"; quần bò dài màu đen; thắt lưng da màu đen; áo khoác màu đen; áo khoác màu đen, mặt trong lót lông màu xám; quần vải dài màu xám đều có máu người, nhóm máu O (BL 26).

Bản kết luận giám định số 607/KL-KTHS ngày 29/02/2024, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

Trên con dao gửi giám định có bám dính ADN người và có kiểu gen (ADN) trùng hoàn toàn với kiểu gen của Nguyễn Dương Q2.

Bản kết luận giám định số: 578/KL-KTHS ngày 05/02/2024 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:

Không tìm thấy chất ma túy và sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy trong mẫu máu của nạn nhân Nguyễn Dương Q2.

Bản kết luận giám định số 590/KL-KTHS ngày 29/01/2024, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:

Trong mẫu máu ghi thu của tử thi Nguyễn Dương Q2 có tìm thấy ethanol (cồn), nồng độ ethanol: 333mg/100ml máu.

Kết quả đo nồng độ cồn của bị can Lương Văn T hồi 22 giờ 41 phút ngày 21/01/2024 tại Công an huyện V là 0,170mg/L.

Công văn số 370/KTHS ngày 10/4/2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B trả lời:

Con dao gửi giám định có thể tạo được các vết thương trên người tử thi Nguyễn Dương Q2.

Ngày 27/3/2024, Cơ quan điều tra tổ chức nhận dạng đồ vật, kết quả T nhận đúng con dao của T đã dùng để đâm anh Q2 chiều ngày 21/01/2024. Cơ quan điều tra tổ chức thực nghiệm điều tra hành vi của T dùng dao đâm anh Q2, kết quả T thực hiện các động tác phù hợp với lời khai của T, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác của vụ án.

Kết quả kiểm tra dữ liệu camera an ninh trước cửa nhà trọ H2 nơi xảy ra vụ án đã thu giữ hình ảnh diễn biến sự việc; bị can T xem đã xác nhận toàn bộ nội dung, diễn biến hành vi của T dùng dao nhọn đâm anh Q2.

Tại Cơ quan điều tra, Lương Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên. Con dao nhọn sau khi gây án, T bỏ tại hiện trường; ông Lê Đức C, sinh năm 1967, trú tại thôn N2, xã Q1, huyện V là người làm chứng đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

***Về vật chứng vụ án*:**

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ đồ vật, tài liệu là vật chứng liên quan đến vụ án bao gồm:

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu xanh đã qua sử dụng của anh Nguyễn Dương Q2.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax, vỏ màu vàng đã qua sử dụng của Lương Văn T.

- 01 (Một) con dao (dạng dao gấp) dài 22 cm, có lưỡi kim loại sáng màu, mũi nhọn, chuôi có ốp gỗ màu nâu đỏ, thu giữ tại hiện trường do ông Lê Đức C giao nộp.

- 01 (Một) quần bò dài màu đen; 01 (Một) thắt lưng da màu đen; 01 (Một) áo khoác màu đen; 01 (Một) áo khoác màu đen, mặt trong lót lông màu xám; 01 (Một) quần vải dài màu xám.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã nhập kho số vật chứng trên tại kho vật chứng thuộc Phòng Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh B.

Về bồi thường dân sự: Ông Lương Văn T2 là bố đẻ của bị cáo đã bồi thường cho ông Nguyễn Dương T6 (bố đẻ anh Nguyễn Dương Q2) là người đại diện của bị hại số tiền 150.00.000 đồng; ông T6 không yêu cầu bồi thường thêm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 61/2024/HS-ST ngày 17 tháng 07 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

1. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 591 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T 17 năm tù về tội "Giết người". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 22/01/2024.

2. Về trách nhiệm cấp dưỡng: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Lương Văn T và đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Nguyễn Dương T6. Bị cáo có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của người bị hại là cháu Nguyễn Giáng U - sinh ngày 06/9/2020 với mức cấp dưỡng 01 lần là 100.000.000 đồng (Một trăm T đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ƯBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lương Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về xử lí vật chứng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/07/2024, bị cáo Lương Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lương Văn T giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Tại phiên toà phúc thẩm gia đình bị cáo xuất trình thêm các tài liệu mới gồm: Biên lai thu nộp số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm T đồng) cấp dưỡng nuôi con bị hại; biên lai nộp 5.200.000 đồng án phí dân sự và án phí hình sự sơ thẩm; Bằng khen vì có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Pháp cứu nước của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh T1 tặng đối với bà nội bị cáo - Ma Thị T7; Huân chương kháng chiến Hạng 3 đối với ông nội bị cáo là cụ Lương Văn T8; xác nhận gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử vận dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về vụ án: Tòa án sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất của vụ án, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ quy định điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Lương Văn T mức án 17 năm tù về tội "Giết người" theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T xuất trình các tài liệu mới gồm: Biên lai thu nộp số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm T đồng) cấp dưỡng nuôi con bị hại là đã tự giác thi hành xong nghĩa vụ cấp dưỡng; biên lai nộp 5.200.000 đồng án phí dân sự và án phí hình sự sơ thẩm là đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí; tài liệu thể hiện bà nội bị cáo được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh T1 tặng Bằng khen vì có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Pháp cứu nước; ông nội bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng 3. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự chưa được Tòa án sơ thẩm xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định, áp dụng thêm đối với bị cáo. Có cơ sở chấp nhận kháng cáo; sửa Bản án sơ thẩm và giảm hình phạt của bị cáo từ 06 tháng đến 1 năm tù.

Bị cáo Lương Văn T nói lời cuối cùng: Cảm ơn đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Căn cứ vào bản án sơ thẩm, kháng cáo của bị cáo, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của luật sư, của bị cáo, quan điểm của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lương Văn T kháng cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Lương Văn T phù hợp với nội dung bản cáo trạng, kết luận điều tra, bản án sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 21/01/2024, tại đoạn đường trước cửa quán Karaoke P2, thuộc thôn N1, xã Q1, huyện V, tỉnh B, sau khi anh Nguyễn Dương Q2 mâu thuẫn và đánh vợ là chị Vũ Thị D1 trong phòng hát Karaoke; Lương Văn T hỏi anh Q2 về nguyên nhân vợ chồng anh Q2 xảy ra mâu thuẫn thì giữa T và anh Q2 đã xảy ra xảy ra to tiếng, thách thức xô xát đánh nhau nhưng được mọi người can ngăn. Anh Q2 vùng dậy chạy sang bên kia đường cởi áo và thách thức đánh nhau với T. T thủ sẵn dao nhọn trong người, khi anh Q2 cầm gạch lao vào đánh T, T đã dùng con dao nhọn (dạng dao gấp) dài 22cm đâm anh Q2 02 nhát, một nhát vào bụng và một nhát vào ngực. Hậu quả làm anh Q2 chết vì bị sốc mất máu do vết thương vùng ngực thấu phổi, đứt mạch máu phổi và vết thương bụng làm thủng tĩnh mạch chủ bụng. Hành vi phạm tội của bị cáo Lương Văn T là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sống được pháp luật bảo vệ của người khác, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Giết người" quy định tại Bộ Luật Hình sự. Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Lương Văn T:

[3.1] Chỉ vì xô xát nhỏ trong khi hát karaoke cùng nhau mà bị cáo đã dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm vào vùng trọng yếu trên cơ thể của nạn nhân nên bị cáo bị truy tố, xét xử theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, có khung hình phạt từ từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Tòa án sơ thẩm đã xem xét bị cáo đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại; thỏa thuận bồi thường về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con bị hại để vận dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 17 (Mười bảy) năm tù.

Xét thấy, sự việc xảy ra cũng có một phần lỗi của bị hại Nguyễn Dương Q2 cầm gạch lao vào tấn công bị cáo trước. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm T đồng) theo thỏa thuận bồi thường về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con bị hại; đã tự giác thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo có bà nội là bà Ma Thị T7 được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh T1 tặng Bằng khen vì đã có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Pháp; ông nội bị cáo Lương Văn T8 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng 3. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự chưa được Tòa án sơ thẩm xem xét vận dụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm đối với bị cáo.

[3.2] Bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đã phân tích nên mức hình phạt 17 năm tù đối với bị cáo là tương đối nghiêm khắc. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm; giảm một phần hình phạt cho bị cáo Lương Văn T như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Lương Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Lương Văn T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2024/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh B như sau:

1.1. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 591 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T 16 (Mười sáu) năm tù về tội "Giết người". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 22/01/2024.

1.2. Xác nhận bị cáo Lương Văn T đã thi hành xong thỏa thuận bồi thường về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của người bị hại là cháu Nguyễn Giáng U - sinh ngày 06/9/2020 với mức cấp dưỡng 01 lần là 100.000.000 đồng (Một trăm T đồng) tại biên lai thu tiền số 0000025 ngày 13/8/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh B.

1.3. Xác nhận bị cáo Lương Văn T đã thi hành xong 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000 đồng (Năm T đồng) án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu tiền số 0000024 ngày 13/8/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh B.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Lương Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Vụ I - TAND tối cao;*
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh B;*
- *VKSND tỉnh B;*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh B;*
- *Cục THADS tỉnh B;*
- *Bị cáo (qua trại);*
- *Lưu HS, PHCTP, VT, TP*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Mai